

VỀ SÁCH ĐẠI NAM QUỐC CƯƠNG GIỚI VỰC BIÊN HIỆN LƯU TRỮ TẠI TƯ ĐẠO VĂN KHỐ (SHIDOBUNKO) - NHẬT BẢN

Nguyễn Thị Oanh - Lê Văn Ất *

Nhận bài: 04/06/2024; Nhận kết quả bình duyệt: 26/06/2023; Chấp nhận đăng: 22/02/2024

©2024 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Đại Nam quốc cương giới vực biên 大南國疆界彙編 là tập sách chuyên khảo cứu (kèm theo bản đồ toàn quốc và bản đồ các tỉnh) về biên giới nước ta tiếp giáp với các nước khác, được viết bằng chữ Hán, hiện lưu trữ tại Tư Đạo văn khố, Nhật Bản.. Sách do Hoàng Hữu Xứng biên soạn theo chỉ dụ nhà vua, được hoàn thành vào năm 1887. Đây là một văn bản địa chí quan phương, có giá trị trên nhiều phương diện, mang ý nghĩa lịch sử to lớn trong việc xác định vị trí địa lý và cương vực chủ quyền lãnh thổ Việt Nam dưới thời Nguyễn. Bằng phương pháp nghiên cứu văn bản, nghiên cứu liên ngành, địa danh học và văn hóa học... bài viết này muốn làm sáng tỏ về nội dung, giá trị của văn bản Đại Nam quốc cương giới vực biên lưu trữ tại Nhật.

Từ khóa: Đại Nam, Địa lý, Bản đồ, Lịch sử, Cương vực

1. Dẫn nhập

Triều Nguyễn (1802-1945) là triều đại trị vì trên một phạm vi lãnh thổ rộng lớn nhất lịch sử phong kiến Việt Nam. Triều Nguyễn cũng để lại cho hậu thế một kho tàng thư tịch phong phú, đa dạng về nội dung và thể loại (lịch sử, văn học, địa chí,...), có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu toàn diện về các vấn đề của Việt Nam dưới thời Nguyễn. Đặc biệt, việc đẩy mạnh biên soạn các sách địa lý và bản đồ dưới thời Nguyễn như Hoàng Việt nhất thống địa dư chí; Đại Nam nhất thống chí; Đại Nam quốc cương giới vực biên, Đồng

Khánh dư địa chí... đã cho cho thấy nhận thức lớn lao của triều Nguyễn trong việc hệ thống hóa tư liệu nhà nước và địa phương, kết hợp với tư liệu quốc tế và bản đồ hóa việc khảo cứu cương giới giữa Việt Nam và các nước, đồng thời nêu bật đặc điểm tự nhiên, khí hậu, địa hình, thổ sản, phong tục... từng vùng, miền trong cả nước. Ngoài việc cung cấp nhiều thông tin quý báu về lịch sử, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội... của Việt Nam dưới triều Nguyễn, các tư liệu địa lý lịch sử còn củng cố thêm vị thế của triều Nguyễn ở trong nước cũng như đối với quốc tế.

* Viện Nghiên cứu Nhận thức - Giáo dục Thăng Long, Trường Đại học Thăng Long.

Nhiều năm nay, chúng tôi đã tiến hành điều tra kho sách Hán Nôm của Emile Gaspardone tại Tư Đạo văn khố (Shidobunko), Trường Đại học Keio, Tokyo, Nhật Bản (Nguyễn Thị Oanh, 2017). Gần đây, chúng tôi may mắn được tiếp xúc với sách *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* (viết tắt là *ĐNQCVB*) hiện lưu trữ tại kho sách này và văn bản trên đã được chúng tôi sao chụp đưa về lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Nhận thức - Giáo dục Thăng Long, Trường Đại học Thăng Long. Ngoài lưu trữ tại Nhật, *ĐNQCVB* còn được lưu trữ tại Viện Sử học và Viện Nghiên cứu Hán Nôm (viết tắt là Viện Hán Nôm) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Theo Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu, hiện ở Pháp cũng lưu trữ một tập bản đồ mang tên *Đại Nam cương giới vịnh biên*, ký hiệu SA.Ms.b.30 và bản microfilm sách *Đại Nam cương giới vịnh biên*, ký hiệu 1517 tại kho sách của Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (EFEO) ở Paris.

Năm 2020, nhà xuất bản Hà Nội đã cho ra mắt sách *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* lưu trữ tại Viện Sử học do hai tác giả là Vũ Thị Lan Anh và Vũ Việt Bằng (Vũ Thị Lan Anh và Vũ Việt Bằng, 2020) dịch và công bố. Ngoài trừ bản lưu trữ tại Pháp ký hiệu SA.MS.b.30 chưa có điều kiện sưu tầm, hiện chúng tôi đã khảo sát được một số bản chép *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại hai thư viện nói trên của Việt Nam. Qua so sánh bước đầu, chúng tôi nhận thấy bản *ĐNQCVB* của Nhật là bản đầy đủ nhất.

Bằng phương pháp nghiên cứu văn bản học, nghiên cứu liên ngành, địa danh học, văn hóa học... bài viết này sẽ làm sáng tỏ tình hình văn bản hiện lưu trữ tại Tư Đạo văn khố Nhật Bản, có so sánh với các bản của Viện Sử học và Viện Hán Nôm, từ đó đưa ra những đánh giá về văn bản, nội dung, tác giả và giá trị tác phẩm *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Nhật Bản.

2. Vài nét về sách *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* hiện lưu trữ tại Tư Đạo văn khố (Shidobunko) Nhật Bản

2.1. Bối cảnh lịch sử

Theo sách *Đại Nam thực lục*, *ĐNQCVB* được biên soạn trong bối cảnh cương giới nước ta, phía bắc gần với nước Đại Thanh, phía Tây Nam giáp với Xiêm La, Miến Điện, tuy đã có xác định ranh giới, nhưng từ trước tới nay các bộ sử trong nước ít đề cập đến, cũng ít nghe thấy nói đến cương giới nước ta. Nước ta non sông rộng lớn, biển cả muôn trùng, nếu không bàn đến, hoặc bàn mà không xét thì cũng khiến người trong nước không hiểu biết cận kề. Chính vì điều này, Viện Cơ mật đã dâng tấu lên vua Đồng Khánh cho phép tìm người chuyên trách về công việc này và Viện Cơ mật đã đề cử Quang lộc Tự khanh lĩnh Thị lang bộ Lại là Hoàng Hữu Xứng, sung làm Đồng lý. Ông còn được cấp cho "ấn khám phái quan phòng" (ấn của quan Khâm sai đi kinh lý các vùng) và cử viên dịch theo để làm việc ở tại Nội các và được vua Đồng Khánh chuẩn y. Sau khi Hoàng Hữu

Xúng đã nhận chỉ dụ, ông đến sở tu thư ở Quốc sử quán làm việc

Nguyên văn: [Điều tháng 9 năm Đồng Khánh thứ nhất (1886)], Vua sai làm sổ sách biên chép cương giới nước ta. Bấy giờ, viện Cơ mật tâu lên rằng: "Cương giới nước ta, phía bắc gần với nước Đại Thanh, phía tây nam giáp với Xiêm La, Miến Điện, từ trước đã phải có giới hạn đích chỗ nào. [Nhưng] Từ trước đến giờ, quốc sử ít thấy chép đến, thấy nghe cũng ít, nhiều lần các toàn quyền đại thần, khâm sứ Đại Pháp có ý nghiên cứu, hoặc định treo thưởng; hoặc có nghe thấy gì thì tự đi yêu cầu để xem xét. Việc treo thưởng nhiều lần đã vâng lời Dụ thông sức, nhưng chưa có người hưởng ứng.

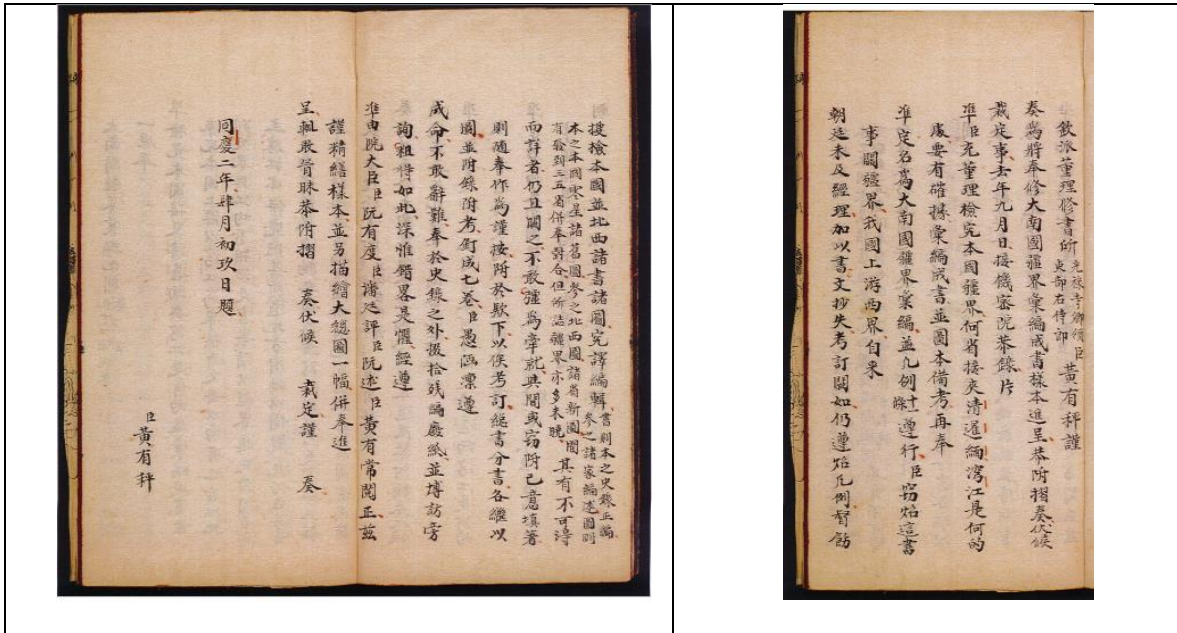
Kể ra bờ coi non sông cũng là cách học bác vật, biển rộng, mây trùng, đường xa muôn dặm, người ta còn nghĩ dò tìm được, hưởng chi cương giới nước ta, mà lại còn không bản, bàn mà không xét, tưởng không phải chỉ để cho người biết được ít nhiều! Nghĩ nên xin phái quan, thuộc xét khắp cả, duy công việc ở bộ, viện, quán, các bề bộn, nếu giao cho làm kiêm cả sợ không chuyên chú kỹ càng, khó mong thành hiệu. Xin nên đặt viên có trách nhiệm để đôn đốc việc ấy, Quang lộc Tự khanh lĩnh Thị lang bộ Lại là Hoàng Hữu Xúng là người trầm tĩnh,

học cũng hơi rộng, xin cho theo nguyên hàm sung làm Đồng lý, cấp cho ấn khám phái quan phòng và phái viên dịch theo để làm việc, đến ở Nội các làm việc, phàm hễ nước ta tiếp giáp với nước Thanh, nước Xiêm và sông Khung (sông Mê Công) đích ở chỗ nào để xem xét rõ ràng, cần có chứng cứ đích xác, biên chép thành sách và vẽ đồ bản để tham khảo" (Đại Nam thực lục, 2018).

2.2. Tình hình văn bản

ĐNQCGB có ký hiệu ベトナム 078. 1 tập, khổ 31x17cm, 218 trang (bao gồm cả bìa), viết bằng chữ Hán, mỗi trang 8 dòng, mỗi dòng khoảng 20 chữ, xen kẽ là các chú giải chữ Hán. Sách được viết theo thể chân phương dễ đọc, có sử dụng huấn điểm và lối viết kiêng húy, theo tự dạng thì cùng một người viết. Sách xen kẽ phần nội dung và bản đồ. Đây là loại hình văn bản nhà nước, biên soạn dưới sự chỉ dụ của nhà vua và Viện Cơ mật. Sách do Hoàng Hữu Xúng 黃有秤, giữ chức Lãnh thần Hữu thị lang bộ Lại, tước Quang lộc Tự khanh, phụ trách công việc biên soạn sách vở ở sở Tu thư soạn; Nguyễn Hữu Độ 阮有度, Phan Đình Bình 潘廷評, Nguyễn Thuật 阮述 và Hoàng Hữu Thường 黃有常 ở Viện Cơ mật đọc và sửa chữa. Sách hoàn thành năm 1887.

Minh họa 1: Bài Tựa của Hoàng Hữu Xứng



2.3. Kết cấu và nội dung văn bản

Sách gồm: 1/ Tờ tâu của Hoàng Hữu Xứng; 2/ Phàm lệ (gồm 11 điều); 3/ Mục lục. Sách được chia thành 7 quyển (viết tắt Q.): Q.1: Tổng hợp về các sách; Phủ Thừa Thiên thuộc Kinh sư; Q.2 gồm: các tỉnh Quảng Trị; Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An; Thanh Hóa; Q.3 gồm: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận; Q.4 gồm: Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội (phụ thêm đạo Mỹ Đức), Bắc Ninh; Hưng Yên, Thái Nguyên, Hải Dương, Quảng Yên; Q.5 gồm: Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng; Q.6 gồm: Biên Hòa và 6 tỉnh Nam Kỳ gồm Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên; phụ chép Thành Trấn Tây; Q.7 gồm: Các thuyết tương đồng dị biệt về cương giới gồm: Các thuyết tương đồng dị biệt về sông Khung (sông Mê Công); Các thuyết biện luận tồn nghi về cương

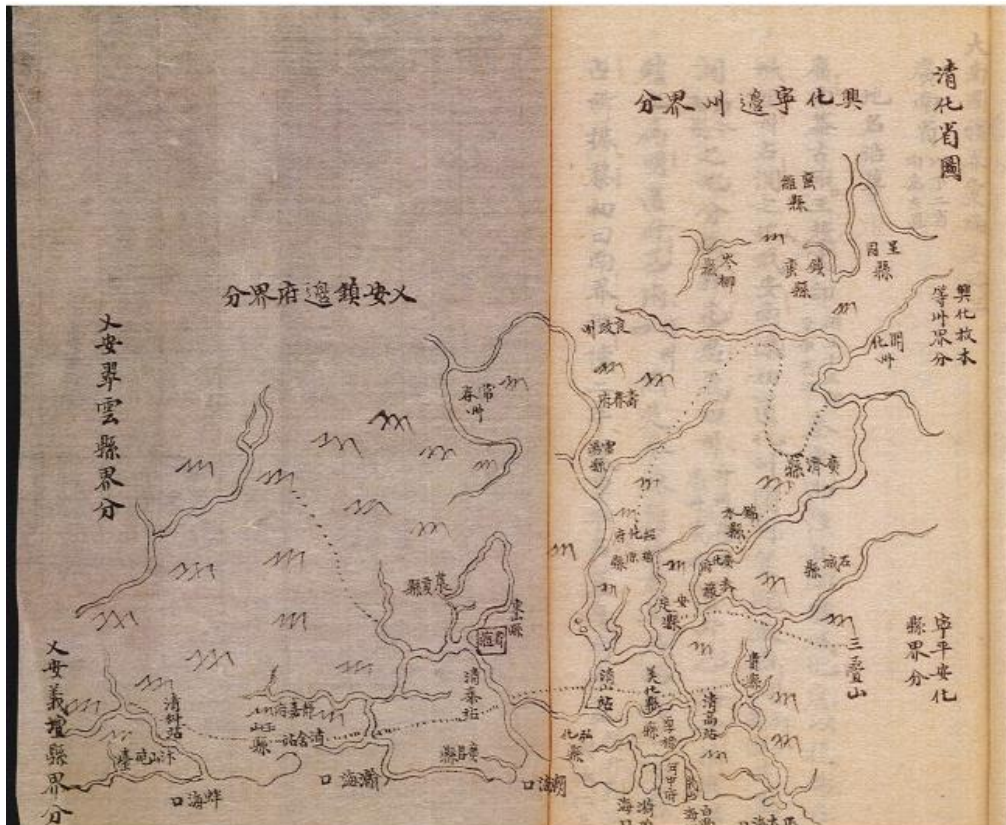
giới: Cột đồng trụ; Ghi chép thêm về các nước tiếp giáp hiện nay: Xiêm La (Thái Lan); Nam Chưởng (Lào); Cao Miên (Campuchia); Phụ khảo về Vạn Tượng (Lào), Chiêm Thành (thuộc các tỉnh Nam Trung bộ hiện nay), Thủy Chân Lạp (các tỉnh Nam bộ hiện nay). Kinh sư và mỗi tỉnh đều được chia làm 4 mục gồm: Diên cách địa danh; Số dặm dài rộng; Huyện lý thuộc hạt; Cương giới tiếp giáp.

Xen kẽ việc mô tả các tỉnh là các bản đồ. ĐNCGVB có 32 bản đồ: 01 bản đồ toàn quốc; 01 bản đồ Kinh sư và 30 bản đồ các tỉnh. Bản đồ toàn quốc được đặt sau mục: "Biên giới tiếp giáp" với nhan đề Đại Nam quốc tổng đồ 大南國總圖; 01 bản đồ Kinh sư, đặt sau mục "Cương giới tiếp giáp" với nhan đề "Thừa Thiên phủ đồ"; tương tự như vậy, sau mục "Cương giới tiếp giáp" của các tỉnh đều kèm theo bản đồ, gồm các tỉnh: Quảng

Trị, Quảng, Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội, Bắc Ninh; Hưng Yên, Thái Nguyên, Hải Dương, Quảng Yên, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Những bản đồ này đều là những bản đồ mô tả (Khương Đạo Chương, 1998), có chú giải phương hướng. Khác với các bản đồ cùng thời,

trên bản đồ không thể hiện tỷ lệ xích, chủ yếu được vẽ theo quan điểm truyền thống, ít chịu ảnh hưởng từ phương Tây. Nhìn chung, bản đồ chỉ sử dụng một màu mực đen để mô tả thông tin trên bản đồ. Ký hiệu trên bản đồ chủ yếu "chú ký" 注记, ít sử dụng "phù hiệu" 符號. Chú ký được thể hiện chủ yếu trên bản đồ là núi, sông và đường đi, tên các phủ huyện, trạm dịch, cửa sông, cửa biển...

Minh họa 2: Bản đồ tỉnh Thanh Hóa



Sau Q.7 ghi tên các vị đại thần tham gia các công việc khảo cứu, so sánh và lưu trữ bản đồ:

Phụng khảo (khảo cứu), gồm các vị: Hoàng Văn Vận, Chủ sự sung tỳ phái thuộc Viện Cơ mật; Phạm Tuân, Kiểm thảo lãnh biên tu sung tỳ phái của Nội các; Nguyễn Khải, Kiểm thảo sung tỳ

phái thuộc Nội các; Hồng Thiệt, Kiểm thảo sung tỳ phái của Viện Hàn Lâm.

Phụng tỉ (so sánh, đối chiếu) gồm: Trần Ngọc Toàn, Chánh cử phẩm Thư lại sung lệ tỳ; Văn Đình Trị, Tú tài, sung thừa phái; Trần Hoàng Cương Sĩ nhân sung thừa phái; Tạ Thúc Ý, Vị nhập lưu Thư lại sung thừa phái; Hà

Văn Đàm, Vị nhập lưu Thư lại sung thừa phái.

Phụng lưu hội đồ bản (Phụng lưu bản đồ) gồm: Mai Đức Ấn, bằng Đội trưởng Tam đội cấp bằng thuộc Giám thành vệ; Nguyễn Văn Phương, Ngũ trưởng Nhị đội thuộc Giám thành vệ.

2.4. Mục đích và phương pháp biên soạn sách Đại Nam quốc cương giới vịnh biên

2.4.1. Mục đích

Trong bài tâu trình của Hoàng Hữu Xứng nhân việc sách hoàn thành, dâng lên vua vào ngày 9 tháng 4 năm 1887 (tức sau 1 năm ông đến nhận việc ở Sứ quán vào năm 1886), ông cho biết, mục đích biên soạn sách ĐNQCGB là nhằm kiểm định, khảo cứu toàn bộ cương giới nước ta, những nơi tiếp giáp với Trung Quốc, Xiêm La (Thái Lan), Miến Điện (Myanmar), vị trí chính xác của con sông Mê Kông... và vẽ thành bản đồ dâng lên, được vua đặt cho tên sách là ĐNQCGB.

Nguyên văn [dịch]

[1b] Khâm phái phụ trách Sở Tu thư, Quang lộc Tự khanh, Lãnh Hữu thị lang Bộ Lại, thần là Hoàng Hữu Xứng, kính cẩn tâu rằng: Bản thảo Đại Nam quốc cương giới vịnh biên theo lệnh tu sửa nay đã hoàn thành, cung kính dâng trình. Kính xin kèm theo bản tấu, cúi trông Hoàng thượng thẩm định. Nguyên do là vào ngày trong tháng 9 của năm ngoái, thần đã tiếp nhận tờ phiến cung lục (công văn) của Viện Cơ mật, chuẩn cho thần sung chức Đồng lý (phụ trách biên

tập) trông coi việc kiểm định, kê cứu cương giới nước ta, tỉnh nào tiếp giáp với Trung Quốc, Xiêm La, Miến Điện, Khung Giang, đích thị là xứ nào? Cần có căn cứ chính xác rõ ràng, biên chép thành sách và bản đồ. Sau khi khảo cứu đầy đủ, lại theo chỉ dụ của Hoàng thượng đặt tên là Đại nam quốc cương giới vịnh biên và bài phạm lệ gồm 11 điều tuân theo.

2.4.2. Phương pháp thực hiện

Theo bản tấu của Hoàng Hữu Xứng và Phạm lệ sách, để có thể biên soạn theo đúng chỉ dụ của nhà vua trong việc biên soạn sách ĐNQCGB, ông đã phải thực hiện một cách thận trọng theo phương pháp sau:

Thu thập đầy đủ tư liệu. Dốc sức sưu tầm những nơi, đặc biệt là cương giới phía tây thuộc miền thượng du của nước ta từ xưa tới nay chưa kịp đi kinh lý (chưa đi điều tra thực địa, điền dã); tiến hành sưu tầm, kiểm duyệt các sách địa chí cũ của nước ta, ghi chép trong các tàng thư cá nhân của các gia đình; sử dụng bản đồ của nước ta (kể cả bản đồ mới vẽ của các tỉnh) và tham khảo thêm bản đồ của Trung Quốc và phương Tây; cho nghiên cứu và dịch thuật tài liệu của Trung Quốc và phương Tây; thu thập thêm những tài liệu ngoài sử sách của triều đình, lượm lặt các sách vở rách nát, đồng thời hỏi thêm ý kiến của nhiều người. Theo phương pháp ghi chép Tổng quát, thì phải chép tất cả toàn bờ cõi nước ta, các địa phương trải các đời diên cách thay

đổi thế nào; số dặm dài rộng, thông với cả nước, hiện đặt bao nhiêu phủ, tỉnh, đạo; cuối cùng đến cương giới, lấy sông Khung phụ thêm vào; bản đồ thì cần hiển thị rõ ràng ở vùng giáp giới với sông Khung. Theo phương pháp ghi chép Riêng biệt, thì chia riêng từng tỉnh để ghi chép, "nếu tỉnh nào không có biên giới với nước khác thì vẫn tùy theo các khoản để ghi chép rõ ràng là: "không có tiếp giáp với nước khác", để phân biệt; bản đồ thì cũng theo phải viết [tên] tỉnh tiếp giáp; về các nơi có cương giới, hễ nơi nào từ trước thuộc nước ta, cũng được nước khác điều tra đo đạc, hoặc luận định theo công văn nhà nước, đồng thời tra cứu trong sách sử có chép rõ ràng, thì cũng phải ghi chép tất cả để tham khảo cho đầy đủ; các nơi trước đã mất đất vào nước khác cũng phải khảo cứu sách vở và bản đồ lấy đó làm căn cứ để ghi lại. Sáu tỉnh Nam Kỳ thuộc quyền cai trị của người Pháp thì cũng ghi chép vào phần Tổng quát và Riêng biệt để tên các địa danh đó còn được lưu lại. Về địa phương Cao Miên, triều trước đã kinh lý và đưa vào bản đồ, sau lại bỏ đi, cũng sẽ xem xét sự tích để biên chép thêm vào sau cho biết đầu đuôi. Những chỗ chưa rõ ràng thì để khuyết, không tự lấy ý chủ quan của mình mà đưa vào. Tùy theo mỗi khoản mà thêm phụ chú, chờ khảo đính; thực hiện vẽ bản đồ toàn quốc và sử dụng lại bản đồ từ kho lưu trữ của triều đình và các bản đồ mới vẽ của các tỉnh. Toàn bộ sách và từng phần của sách (tức Kinh sử và từng tỉnh) đều đính bản đồ kèm theo.

Nguyên văn bài tâu trình của Hoàng Hữu Xứng [dịch]

Thần trộm xét, sách này là việc có quan hệ tới cương giới [lãnh thổ]. Cương giới phía Tây thuộc miền thượng du nước ta, từ trước tới nay triều đình chưa kịp kinh lý [điều tra điền dã], thêm vào đó công văn giấy tờ sao chép mất mát, việc khảo cứu, hiệu đính còn nhiều thiếu sót. Nhưng nay chiếu theo phạm lệ, đốc sức [2a] sưu tầm, kiểm kê các sách và bản đồ của nước ta; Trung Quốc và phương Tây. Kê cứu, chọn dịch và biên tập. Sách thì có các sách sử chính biên của nước ta, tham khảo thêm sách của các nhà biên thuật. Bản đồ thì các loại bản đồ cũ của nước ta, tham khảo thêm bản đồ của Trung Quốc và phương Tây, cùng bản đồ mới vẽ của các tỉnh. Trong số đó, nếu có mở ra đến năm ba tỉnh thì cũng kính xin hợp vào luôn để đối chiếu, vì lẽ những ghi chép cương giới ở những nơi đó đa phần chưa được hiểu rõ. Trong đó có những chỗ chưa được tỏ tường thì vẫn để khuyết chứ chẳng dám khiên cưỡng mà cho xong, hoặc tự lấy ý mình mà điền thay vào đó. Tùy theo chỗ mà ghi chép, nếu cần thì làm phần cần án (kính xét) phụ thêm ở dưới mỗi khoản, đợi sau sẽ khảo đính. Toàn bộ sách và từng phần của sách đều có bản đồ kèm theo; cùng với phụ lục và phụ khảo, đóng thành 7 quyển.

Thần là người hiểu biết hạn hẹp, tuân theo mệnh lệnh của Hoàng thượng, chẳng dám ngại khó, thu thập thêm những sử liệu bên ngoài đã rách nát, xộc xệch, không đầy đủ, đồng thời rộng hỏi

thêm [ý kiến của nhiều người], nhưng vẫn còn [thấy] sơ sài như vậy, suy nghĩ đã kỹ nhưng vẫn nhầm lẫn, giản lược là điều khiến thần lo lắng, sợ hãi. Được các vị đại thần ở Viện Cơ mật là Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Xứng, Nguyễn Thuật và Hoàng Hữu Thường đọc và sửa chữa giúp. Nay [2b] kính cần viết thành bản thảo và vẽ riêng một bức Đại tổng đồ (bản đồ chung lớn), đồng thời phụng vâng tiến dâng trình, mạo muội cung kính đệ lên cùng tập tấu, xin đợi quyết định của Hoàng thượng.

2.5. So sánh Đại Nam quốc cương giới vịnh biên hiện lưu trữ tại Nhật Bản với các bản hiện lưu trữ tại Việt Nam

Bài viết này tuy chưa so sánh, khảo dị kỹ lưỡng sách ĐNQCGBV hiện lưu trữ tại Nhật với các bản ĐNQCGBV hiện lưu trữ tại Viện Sử học và Viện Hán Nôm, nhưng để có thể nhận ra giá trị trân quý của sách ĐNQCGBV hiện lưu trữ tại Nhật Bản, chúng tôi sẽ giới thiệu bản của Viện Sử học và Viện Hán Nôm và đưa ra những nhận định bước đầu về các bản lưu trữ tại hai thư viện trên.

2.5.1. Bản Đại Nam quốc cương giới vịnh biên hiện lưu trữ tại Viện Sử học

Bản ĐNQCGBV hiện lưu trữ tại Viện Sử học có ký hiệu HV.169, sách chép tay, gồm 3 tập. Tập 1: Từ Q.1 - Q.3; Tập 2: Từ Q.4 - Q.6; Tập 3: Q.7 và bản đồ (gồm 1 bản đồ toàn quốc và 31 bản đồ các tỉnh). Sách khổ nhỏ 15 x 19,5cm, 118 trang, mỗi trang 7 dòng, mỗi dòng 25 chữ, nhiều dòng chưa thêm chữ nhỏ. Chữ bút mực, có thể được sao muện về

sau này. Có dấu của Ban nghiên cứu Văn Sử Địa, ký hiệu C.239. Sách có bài tấu của Hoàng Hữu Xứng, Phạm Lệ; Mục lục.

Tập 1 từ Q.1 đến Q.3. Q.1: Tổng hợp về các sách; Phủ Thừa Thiên thuộc Kinh sư; Q.2 gồm các tỉnh Quảng Trị; Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An; Thanh Hóa; Q.3 gồm: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận.

Tập 2 từ Q.4 đến Q.6. Q.4 gồm các tỉnh: Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội (phụ thêm đạo Mỹ Đức), Bắc Ninh; Hưng Yên, Thái Nguyên, Hải Dương, Quảng Yên; Q.5 gồm: Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng; Q.6: Biên Hòa và 6 tỉnh Nam Kỳ gồm Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên; phụ chép Thành Trấn Tây.

Tập 3 Q.7 và bản đồ. Q.7 gồm: Các thuyết tương đồng dị biệt về cương giới gồm: Các thuyết tương đồng dị biệt về sông Khung (sông Mê Công); Các thuyết biện luận tồn nghi về cương giới: Cột đồng trụ; Ghi chép thêm về các nước tiếp giáp hiện nay: Xiêm La (Thái Lan); Nam Chưởng (Lào); Cao Miên (Campuchia); Phụ khảo về Vạn Tượng (Lào), Chiêm Thành (thuộc các tỉnh Nam Trung bộ hiện nay), Thủy Chân Lạp (các tỉnh Nam bộ hiện nay). Kinh sư và mỗi tỉnh đều được chia làm 4 mục gồm: Diên cách địa danh; Số dặm dài rộng; Huyện lý thuộc hạt; Cương giới tiếp giáp.

Về bản đồ, bản HV.169 của Viện Sử học gồm 01 bản đồ toàn quốc; 01 bản đồ Kinh sư (Thừa Thiên phủ đồ) và 30

bản đồ các tỉnh, gồm: Quảng Trị tỉnh đồ; Quảng Bình tỉnh đồ; Hà Tĩnh tỉnh đồ, Nghệ An tỉnh đồ; Thanh Hoa tỉnh đồ; Quảng Nam tỉnh đồ; Quảng Nghĩa tỉnh đồ; Bình Định tỉnh đồ; Phú Yên tỉnh đồ; Khánh Hòa tỉnh đồ; Bình Thuận tỉnh đồ; Ninh Bình tỉnh đồ; Nam Định tỉnh đồ; Hà Nội tỉnh đồ; Hưng Yên tỉnh đồ; Bắc Ninh tỉnh đồ; Thái Nguyên tỉnh đồ; Hải Dương tỉnh đồ, Quảng Yên tỉnh đồ; Sơn Tây tỉnh đồ; Hưng Hóa tỉnh đồ; Tuyên Quang tỉnh đồ; Lạng Sơn tỉnh đồ; Cao Bình tỉnh đồ; Biên Hòa tỉnh đồ; Gia Định tỉnh đồ; Định Tường tỉnh đồ; Vĩnh Long tỉnh đồ; Yên Giang tỉnh đồ; Hà Tiên tỉnh đồ.

Như vậy, bản của Viện Sử học đều có đầy đủ các mục và bản đồ giống với bản *ĐNQCGVB* của Tư đạo văn khố, nhưng có điểm khác biệt sau:

- Kết thúc ở phần ghi chép của Q.7, không có đoạn ghi tên các vị đại thần tham gia các công việc khảo cứu, đối chiếu và nơi lưu trữ bản đồ.

- Về hình thức kết cấu văn bản: Các bản đồ trong sách *ĐNQCGVB* hiện lưu trữ tại Nhật được thể hiện xen kẽ với các phần ghi chép Tổng quát và ghi chép Riêng biệt từng tỉnh, nhưng bản *ĐNQCGVB* của Viện Sử học lại vẽ gộp chung thành tập riêng, đặt sau Q.7.

- Bản đồ toàn quốc hiện lưu trữ tại Nhật ghi đầy đủ địa danh các tỉnh từ Lạng Sơn đến Hà Tiên (bao gồm cả đảo Phú Quốc) và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Bản đồ này còn ghi đầy đủ số lượng cửa biển của các tỉnh và các nơi tiếp giáp với nước ngoài... nhưng

bản đồ toàn quốc của Viện Sử học ngoài chữ Hán: "Cửu Long giang, Khung giang" (Sông Cửu Long và sông Khung), không ghi bất cứ địa danh hoặc ghi chú nào bằng chữ Hán (kể cả quần đảo Hoàng Sa).

Theo chúng tôi, bản của Viện Sử học sao chép muộn về sau này cho nên phải tuân thủ nguyên tắc "chép thiếu" để phân biệt với những bản đủ (tức bản do EFEO cho sưu tầm và sao chép) mà chúng tôi đã đề cập trong nhiều bài viết về văn bản học đăng trên các sách và tạp chí nhiều năm gần đây (Nguyễn Thị Oanh, 2013). Điều đó cho thấy sự "bất cập" khi sử dụng bản Viện Sử học để nghiên cứu, đặc biệt là các tài liệu bản đồ do bản này sao chép. Tuy nhiên nó cũng có thể là tài liệu tham khảo để khẳng định "tính đầy đủ" của *ĐNQCGVB* hiện lưu trữ tại Nhật Bản.

2.5.2. Bản Đại Nam quốc cương giới vịnh biên hiện lưu trữ tại Viện Hán Nôm

Theo *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* (viết tắt là *Di sản*), sách hiện lưu trữ tại Viện Đại Nam quốc cương giới vịnh biên Hán Nôm có 5 bản viết, 7 quyển (viết tắt Q.), 1 biểu dâng sách, 1 phẩm lệ, 1 mục lục. Sách do Hoàng Hữu Xứng biên soạn, Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Thường duyệt chính. 5 bản viết gồm các bản sau đây: A.748, 398 tr., khổ 29 x 20cm; A.249: 220 tr. khổ 31 x 23cm, (chỉ có các tỉnh thuộc Bắc Kỳ và Nam Kỳ cũ); A.1199, 96 tr., khổ 28 x 16cm (chỉ có Q.6, Q.7); A.1342, 104 tr., 29 x 16 (chỉ có Q.3 và một phần Q.5, có bản đồ);

VHv.1721: 98 tr., khổ 29 x 16 cm (chỉ có tỉnh Quảng Nam). Tập bản đồ bờ cõi nước Việt Nam, gồm: Bản đồ phủ Thừa Thiên (Q.1); Bản đồ các tỉnh (Q.2 - Q.6); Các thuyết về biên giới, sông vịnh, các nước giáp giới và bài khảo về Vạn Tượng, Chiêm Thành, Thủy Chân Lạp (Q.7) (*Di sản*, 1993, T.1, tr. 496).

Theo khảo sát bước đầu, trong số 5 bản chép tay hiện lưu trữ ở Viện Hán Nôm, hiện các bản đều thiếu ở mức độ nhất định. Hiện chỉ có bản A.748 là đầy đủ nhất (ở phần văn) với các mục gồm: Biểu dâng sách, Phạm lệ, Mục lục và chép đầy đủ các tỉnh thứ tự từ Q.1 đến Q.7 gồm: Q.1: Tổng hợp về các sách; Phủ Thừa Thiên thuộc Kinh sư; Q.2 gồm các tỉnh Quảng Trị; Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An; Thanh Hóa; Q.3 gồm: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận. Q.4 gồm các tỉnh: Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội (phụ thêm đạo Mỹ Đức), Bắc Ninh; Hưng Yên, Thái Nguyên, Hải Dương, Quảng Yên; Q.5 gồm: Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng; Q.6 Biên Hòa và 6 tỉnh Nam Kỳ gồm Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên; phụ chép Thành Trấn Tây. Q.7 gồm: Các thuyết tương đồng dị biệt về cương giới gồm: Các thuyết tương đồng dị biệt về sông Khung (sông Mê Công); Các thuyết biện luận tồn nghi về cương giới: Cột đồng trụ; Ghi chép thêm về các nước tiếp giáp hiện nay: Xiêm La (Thái Lan); Nam Chướng (Lào); Cao Miên (Campuchia); Phụ khảo về Vạn Tượng (Lào), Chiêm Thành (thuộc các tỉnh

Nam Trung bộ hiện nay), Thủy Chân Lạp (các tỉnh Nam bộ hiện nay). Kinh sư và mỗi tỉnh đều được chia làm 4 mục gồm: Diên cách địa danh; Số dặm dài rộng; Huyện lỵ thuộc hạt; Cương giới tiếp giáp.

Bản này kết thúc ở Q.7. Cũng như bản của Viện Sử học, bản A.748 ở cuối Q.7 không ghi cả một đoạn tên các vị Khảo cứu, So sánh và nơi lưu trữ bản đồ. Bản này thiếu toàn bộ 32 bản đồ so với *ĐNQCVB* lưu trữ tại Nhật.

Các dị bản *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Viện Hán Nôm cũng có kèm bản đồ nhưng không đầy đủ, gồm: bản A.1342, 104 tr., 29 x 16 (chỉ có Q.3 và một phần Q.5, có bản đồ) và bản A.1199, 96 tr., khổ 28 x 16cm (chỉ có Q.6, Q.7), có bản đồ nhưng Di sản không ghi. Cụ thể: bản ký hiệu A.1342 có 9 bản đồ gồm các tỉnh: 1. Quảng Nam tỉnh đồ [tờ 2a -3b], 2. Quảng Ngãi tỉnh đồ [tờ 7a -8b], 3. Bình Thuận tỉnh đồ [tờ 12a - 13b], 4. Phú Yên tỉnh đồ [tờ 17a -18b], 5. Khánh Hòa tỉnh đồ [tờ 22a - 23b], 6. Bình Định tỉnh đồ [tờ 29a - 30b], 7. Sơn Tây tỉnh đồ [tờ 35a - 36b], 8. Lạng Sơn tỉnh đồ [tờ 41a - 42b], 9. Cao Bằng tỉnh đồ [tờ 48a - 49b].

Bản A.1199, 96 tr, khổ 28 x 16cm (chỉ có Q6, Q7), có 05 bản đồ, gồm các tỉnh: 1. Biên Hòa tỉnh đồ [tờ 4a-5a], 2. Gia Định tỉnh đồ [tờ 9a-10a], 3. Định Tường tỉnh đồ [tờ 13a-14a], 4. Vĩnh Long tỉnh đồ [tờ 18a-19a], 5. An Giang tỉnh đồ [tờ 22a-23a]. Bản này sao chép

ngày mồng 8 tháng Giêng năm Thành Thái thứ 7 (1895).

Ngoài ra, VHv.1721, còn có tấu dâng trình của Khâm tuần biên sách Hội Đồ mộc, tỉnh Quảng Nam [tờ 1a] và bản đồ tỉnh Quảng Nam ở [tờ 1b-2b].

Như vậy, so với bản *ĐNQCGVB* hiện lưu trữ tại Tư Đạo văn khố Nhật Bản, các bản ký hiệu A.1342 và A.1189 đều trong tình trạng "thiếu". Bản A.1189 còn được sao chép vào năm 1895, muộn sau 6 năm so với thời điểm sách ra đời vào năm 1887.

Qua so sánh hai bản đồ tỉnh Quảng Nam giữa bản A.1342 (microfilm) với bản đồ tỉnh Quảng Nam của Tư Đạo văn khố, chúng tôi nhận thấy so với các bản *ĐNQCGVB* hiện lưu trữ trong nước thì bản của Tư Đạo văn khố được coi là đầy đủ nhất ở thời điểm hiện tại, nhưng nó có phải là bản "gốc" nhất hay không còn chờ khảo sát bản *ĐNQCGVB* hiện lưu trữ tại Paris, Pháp. Tuy nhiên, theo mô tả ở Di sản thì bản SA.Ms.b.30, cũng có thể là bản không đầy đủ. Cụ thể ghi như sau: "Tập bản đồ bờ cõi nước Việt Nam, gồm: Bản đồ Phủ thừa Thiên (Q.1); Bản đồ các tỉnh (Q.2 - Q.6); Các thuyết về biên giới, sông vịnh, các nước giáp giới và bài khảo về Vạn Tượng, Chiêm Thành, Thủy Chân Lạp (Q.7) (*Di sản*, Tập 1, tr.480).

Nếu theo đúng nội dung mô tả (có kèm theo tiếng Pháp) thì có hai điểm thiếu so với *ĐNQCGVB* hiện lưu trữ tại Nhật, đó là thiếu chữ "quốc" trong nhan đề *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên*; và thiếu 01 bản đồ toàn quốc. Lẽ đương

nhiên, đó chỉ là phỏng đoán theo mô tả của *Di sản*, chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này khi có tư liệu trong tay.

Tóm lại, bản *ĐNQCGVB* hiện lưu trữ tại Nhật là bản đầy đủ nhất cho đến thời điểm hiện tại. Có lẽ khỏi cần nói đến giá trị của cuốn sách khi được dịch, chú thích và công bố đầy đủ cả bản đồ, đặc biệt là bức bản đồ toàn quốc, nơi hiện diện đầy đủ nhất cương giới lãnh thổ nước ta trong đó có quần đảo Hoàng Sa.

2.6. Vài nét về tác giả Hoàng Hữu Xứng

Hoàng Hữu Xứng (1831 - 1905) tự là Bình Như, hiệu Song Bích. Nguyên quán làng Bích Khê, huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ông đậu Cử nhân vào năm 1852 dưới triều vua Tự Đức. Ông sống làm quan liên tục trong 40 năm (1860-1900), trải qua 9 vị vua Nguyễn từ Minh Mạng đến Thành Thái. Đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng có thể kể đến như: năm 1860, lúc chưa tròn 30 tuổi, ông được bổ làm Huấn đạo huyện Tuy Viễn (thuộc tỉnh Bình Định); 1869 ông về Kinh đô Huế giữ chức Biện lý ở Bộ Binh; năm 1873, làm Bố chính tỉnh Thanh Hóa; năm 1876 nhậm chức Tổng đốc ở tỉnh Hải An; năm 1877, ông được triệu về kinh đô Huế giữ chức Tà Thị Lang Bộ Lại, Kiêm coi viện Đô Sát; Năm 1880, ông được thăng chức, bổ làm Thự Tuần Phủ tỉnh Hà Nội; Sau khi đi hiệu lực, Hoàng Hữu Xứng được bổ chức Chánh Sơn phòng Cam Lộ (tỉnh Quảng Trị); Năm 1886, nhà vua chuẩn cho Quang Lộc Tự Khanh lãnh Thị lang Bộ lại là Hoàng

Hữu Xứng kiêm quản Viện Đô Sát; Tháng 10-1886, Hoàng Hữu Xứng được triều đình giao phó đứng ra phụ trách việc biên soạn bộ sách *ĐNQCVB*; Vào thời Thành Thái (1889-1907), Hoàng Hữu Xứng ngoài chức Toàn tu còn kiêm giữ chức vụ Sử Quán, lãnh Thượng thư Bộ Công, Kinh diên Giảng quan, Quản chiếu Tu thư sở; Đến năm 1900, giữ phó Tổng tài, Hiệp biện Đại học sĩ sung Kinh diên Giảng quan, đã phụ trách biên soạn xong bộ *Đại Nam Thực Lục* chính biên, *Đệ ngũ kỷ*, viết về những sự kiện lịch sử xảy ra tại Việt Nam từ cuối 1883 đến 1885; Năm ấy (1900), ông dâng sớ xin nghỉ hưu; Đến năm 1905, ông chỉ bị bệnh nhẹ rồi qua đời, được an táng tại quê nhà, có xây lăng và dựng bia (Phan Thuận An, 2019).

Có thể nói quá trình hoạt động và sự nghiệp của ông gắn liền với thời kỳ biến động, khó khăn cũng như phức tạp nhất của triều Nguyễn. Cuộc đời của ông gắn liền với đảm nhiệm nhiều chức vụ, kinh qua nhiều nơi, vì thế ông tích lũy được nhiều kiến thức lịch sử địa lý mà không phải ai cũng dễ dàng có được. Trong sử Việt, Hoàng Hữu Xứng được biết đến là vị quan có kiến thức uyên bác, là một nhà sử học - địa lý tài năng, một trong các quan điều hành phụ trách việc biên soạn bộ quốc sử quan yếu bậc nhất triều Nguyễn là *Đại Nam Thực Lục* và bộ *ĐNQCVB* được biên soạn theo chỉ dụ của vua Đồng Khánh dưới danh nghĩa là Đồng lý chủ trì công việc biên soạn.

3. Kết luận

Qua nghiên cứu văn bản sách *ĐNQCVB*, ký hiệu 078 lưu trữ tại Tư Đạo văn khố Nhật Bản và một số bản *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Việt Nam, chúng tôi nhận thấy đây là một tư liệu quan trọng, đầy đủ nhất ở thời điểm hiện tại. Như tên gọi *ĐNQCVB* là bộ địa chí ghi chép về cương giới, địa lý lãnh thổ nước ta thời Đồng Khánh (1886-1888). Trên cơ sở tham khảo nhiều sách vở, sử liệu trong nước và nước ngoài, *ĐNQCVB* không chỉ cung cấp nhiều tư liệu có giá trị về địa lý, lịch sử, văn hóa, xã hội... mà còn cho thấy quan điểm của triều Nguyễn, đại diện là vua Đồng Khánh trong việc quản lý bờ cõi, biên cương của tổ quốc. So với các bản *ĐNQCVB* lưu trữ ở trong nước, đây là một văn bản hoàn chỉnh về mặt nội dung và có đầy đủ các bản đồ minh họa, trong đó đặc biệt đã đưa quần đảo Hoàng Sa vào bản đồ toàn quốc. Văn bản này có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình lịch sử Việt Nam, cũng như tiến trình lịch sử phát triển bản đồ cổ Việt Nam. Tác phẩm còn đóng vai trò quan trọng là cầu nối để vua Đồng Khánh tiếp tục cho biên soạn bộ sách địa chí quan phương đồ sộ nhất triều Nguyễn là *Đồng Khánh địa dư chí*. Hy vọng, Viện Nghiên cứu Nhận thức - Giáo dục Thăng Long, Trường Đại học Thăng Long sớm tiến hành dịch thuật, khảo cứu, chú thích và xuất bản, nhằm công bố một bộ địa chí quan trọng nhất hiện nay liên quan đến cương giới, lãnh thổ nước ta thời Nguyễn.

Tài liệu tham khảo

- Phan Thuận An (2019), "Hoàng Hữu Xứng, nhà sử học và địa lý Việt Nam thế kỷ XIX", đăng trên Nghiên cứu lịch sử.
- Nguồn:
<https://nghiencuulichsu.com/2019/01/22/hoang-huu-xung-nha-su-hoc-dia-ly-viet-nam-the-ky-xix/>. Truy cập lúc 9:52 PM, ngày 15/5/2024.
- Khương Đạo Chương (1998), "Khảo luận về đặc trưng bản đồ học truyền thống của Trung Quốc", đăng trên *Nghiên cứu lịch sử khoa học tự nhiên* 姜道章 《论传统中国地图学的特征》, 《自然科学史研究》, 1998年, 第3期, 265页.
- Di sản Hán Nôm Việt Nam – Thư mục đề yếu* (1993), Trần Nghĩa – Francois Gros đồng chủ biên, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, Tập 1, tr. 496.
- Đại Nam thực lục* chính biên, *Đệ lục kỷ*, Quyển 5 - Thực lục về Cảnh tông Thuần Hoàng đế, Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2018, Tập Chín, tr. 285.
- Nguyễn Thị Oanh (2013), "Mấy suy nghĩ về vấn đề văn bản học hiện nay", đăng trên *Bốn mươi năm Đào tạo và Nghiên cứu Hán Nôm* (1972-2012), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 249-272.
- Nguyễn Thị Oanh (2017), "Vài nét về kho sách Hán Nôm của Emile Gaspardone tại Tư đạo văn khố (Shidobunko), Nhật Bản. *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2017*, tr. 761-771.
- Hoàng Hữu Xứng, *Đại Nam quốc cương giới vụng biên*, Vũ Thị Lan Anh- Vũ Việt Bằng dịch, Nxb. Hà Nội.